



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 35.128.668

FAX: (028) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT

QUÝ 1 NĂM 2018

(MÃ CK: HMH)

TP.HCM, Ngày 27 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		81.864.707.040	94.708.068.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.942.352.938	42.734.241.990
1. Tiền	111		18.942.352.938	11.687.650.797
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	31.046.591.193
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.686.060.449	10.918.946.736
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.296.520.350	9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.389.540.099	1.389.540.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.046.219.310	37.249.333.857
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.580.132.360	29.889.202.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.783.060	122.972.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	9.248.555.368	8.024.206.382
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(827.251.478)	(787.048.196)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	666.994.594	656.094.633
Hàng tồn kho	141		666.994.594	656.094.633
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.523.079.749	3.149.451.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	803.472.259	1.959.505.097
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		301.214.183	584.056.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	418.393.307	605.890.135
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.020.420.896	190.454.640.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		367.088.000	367.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	367.088.000	367.088.000
II. Tài sản cố định	220		133.206.711.309	132.373.876.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	109.844.885.265	108.867.969.809
Nguyên giá	222		190.279.085.180	187.123.109.273
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.434.199.915)	(78.255.139.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	23.361.826.044	23.505.906.237
Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.706.649)	(552.626.456)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		712.545.454	4.772.884.999
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	712.545.454	4.772.884.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.957.971.606	47.957.971.606
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10a	45.057.954.787	45.057.954.787
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10b	2.900.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.776.104.527	4.982.820.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5.590.192.375	4.793.544.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		185.912.152	189.275.554
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		269.885.127.936	285.162.709.589

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2018	Số dư 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.876.921.385	15.891.530.111
I. Nợ ngắn hạn	310		11.691.921.385	15.706.530.111
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.923.589.207	9.622.352.953
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	940.658.413	1.164.967.735
3. Phải trả người lao động	314		1.471.159.329	2.464.995.637
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		194.721.183	369.217.270
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.037.072.921	1.500.479.140
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	63.548.886	63.548.886
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	61.171.446	520.968.490
II. Nợ dài hạn	330		185.000.000	185.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	185.000.000	185.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.008.206.551	269.271.179.478
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	258.008.206.551	269.271.179.478
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.745.703.936
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		112.027.680.720	123.310.155.385
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>110.110.308.385</i>	<i>101.346.700.258</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>1.917.372.335</i>	<i>21.963.455.127</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.342.367.624	1.322.865.886
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		269.885.127.936	285.162.709.589

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2018



NGUYỄN THỊ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

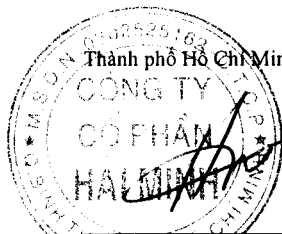
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

(Có so sánh với số liệu Quý I năm 2017)

MÁU B02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.266.620.222	25.549.361.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	29.266.620.222	25.549.361.002
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.390.281.738	23.165.086.349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.876.338.484	2.384.274.653
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.527.349.263	275.310.642
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.550.932.798	36.762.970
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	2.827.922.428
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.393.863.670	2.547.127.573
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.458.891.279	2.903.617.180
12. Thu nhập khác	31		74.932.963	4.000.000
13. Chi phí khác	32		123.599.107	143.539.509
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	(48.666.144)	(139.539.509)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.410.225.135	2.764.077.671
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	469.987.660	186.886.637
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.363.402	(27.307.896)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.936.874.073	2.604.498.930
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.917.372.335	2.624.086.921
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.501.738	(19.587.991)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	143	196
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	143	196



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2018

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

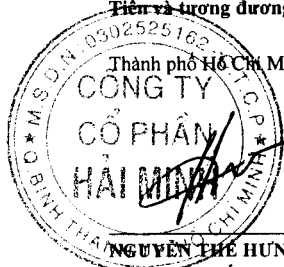
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2018

MẪU B 03a-DN**Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.410.225.135	2.764.077.671
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.222.110.352	3.270.714.991
- Các khoản dự phòng	03		40.203.282	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(73.263.812)	(190.877.932)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.599.274.957	5.843.914.730
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		2.858.298.086	3.589.626.992
- Tăng hàng tồn kho	10		(10.899.961)	(108.969.938)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.062.102.400)	(4.770.662.388)
- Tăng chi phí trả trước	12		359.385.034	374.753.326
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		7.232.886.287	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(952.137.149)	(1.056.417.416)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(459.797.044)	(503.745.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.564.907.810	3.368.499.374
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(518.181.818)	(5.473.930.335)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.827.922.428)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		375.155.151	339.701.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(143.026.667)	(7.962.151.561)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.213.770.195)	(6.599.923.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.213.770.195)	(6.599.923.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.791.889.052)	(11.193.575.687)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.734.241.990	46.523.785.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		40.942.352.938	35.330.210.205



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2018

NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2017

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

• **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND

Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 35128 668

Fax : 08 35128 688

Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	25,00%	25,00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 167 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 168 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phân chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 – 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sân bay, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo đối số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2018	31/12/2017
Tiền mặt	1.584.152.921	1.373.444.310
Tiền gửi ngân hàng	17.358.200.017	9.089.179.031
Tiền đang chuyển	-	1.225.027.456
Các khoản tương đương tiền (i)	22.000.000.000	31.046.591.193
Cộng	40.942.352.938	42.734.241.990

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,1%/năm.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.296.520.350	2.520.000.000	-	9.529.406.637	10.052.500.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	814.300.350	1.032.000.000	-	1.521.150.650	1.581.000.000	-
Tập đoàn Báo Việt Công ty Cổ phần	-	-	-	1.609.788.583	1.655.000.000	-
Chứng khoán Sài Gòn	-	-	-	1.531.528.699	1.632.500.000	-
	-	-	-	4.866.938.705	5.184.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

H.S. / C.V. / 3

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Tổng Công ty CP DV Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam</i>	<i>1.482.220.000</i>	<i>1.488.000.000</i>	-	-	-	-
Cộng	2.296.520.350	2.520.000.000	-	9.529.406.637	10.052.500.000	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099
Cộng	1.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099	1.389.540.099

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,8% /năm (năm 2017 là 6,8%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2018	31/12/2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.580.132.360	29.889.202.809
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	277.746.844	2.856.413.621
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	216.455.152	327.103.606
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	2.508.043.759
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	2.396.803.527	2.207.742.380
Các khách hàng khác	21.181.083.078	21.989.899.443
Cộng	26.580.132.360	29.889.202.809

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/03/2018	31/12/2017
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	277.746.844	2.856.413.621
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	216.455.152	327.103.606
Cộng	494.201.996	3.183.517.227

4. Phải thu khác

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	9.248.555.368	-	8.024.206.382	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	633.895.431	-	368.350.693	-
Ký cược, ký quỹ	401.000.000	-	401.000.000	-
Lãi dự thu	23.468.191	-	201.783.782	-
Các khoản phải thu	1.837.813.469	-	700.693.630	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
ngắn hạn khác				
b) Phải thu dài hạn khác				
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	367.088.000	-	367.088.000	-
Cộng	9.615.643.368	-	8.391.294.382	-
Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH "K"				
Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-

5. Nợ xấu

	31/03/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng				-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	1.715.427.349	792.616.410	2.508.043.759	1.755.630.631	752.413.128
Tạm ứng các cá nhân	34.635.068	-	34.635.068	34.635.068	-	34.635.068
Cộng	2.542.678.827	1.715.427.349	827.251.478	2.542.678.827	1.755.630.631	787.048.196

6. Hàng tồn kho

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	150.010.158	-	260.714.026	-
Hàng hóa	516.984.436	-	395.380.607	-
Cộng	666.994.594	-	656.094.633	-

7. Chi phí trả trước

	01/01/2018	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	31/03/2018
	a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.959.505.097	7.501.111	1.163.533.949
b) Chi phí trả trước dài hạn	4.793.544.571	1.702.691.784	906.043.980	5.590.192.375
Cộng	6.753.049.668	1.710.192.895	2.069.577.929	6.393.664.634

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Khoản mục						
Nguyên giá						
01/01/2018	89.991.689.806	1.023.020.774	86.621.237.657	5.393.032.763	4.094.128.273	187.123.109.273
Tăng trong năm	3.847.405.000	-	731.116.363	-	-	4.578.521.363
Giảm trong năm	-	-	1.422.545.456	-	-	1.422.545.456
31/03/2018	93.839.094.806	1.023.020.774	85.929.808.564	5.393.032.763	4.094.128.273	190.279.085.180
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2018	26.653.201.126	62.517.939	46.720.702.266	1.947.859.087	2.870.859.046	78.255.139.464
Tăng trong năm	758.003.817	17.050.347	2.003.329.068	123.206.832	176.440.095	3.078.030.159
Giảm trong năm	-	-	898.969.708	-	-	898.969.708
31/03/2018	27.411.204.943	79.568.286	47.825.061.626	2.071.065.919	3.047.299.141	80.434.199.915
Giá trị còn lại						
01/01/2018	63.338.488.680	960.502.835	39.900.535.391	3.445.173.676	1.223.269.227	108.867.969.809
31/03/2018	66.427.889.863	943.452.488	38.104.746.938	3.321.966.844	1.046.829.132	109.844.885.265

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 27.075.686.577 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.427.058.788 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2018	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/03/2018	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	552.626.456	552.626.456
Tăng trong năm	144.080.193	144.080.193
Giảm trong năm	-	-
31/03/2018	696.706.649	696.706.649
Giá trị còn lại		
01/01/2018	23.505.906.237	23.505.906.237
31/03/2018	23.361.826.044	23.361.826.044

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2018	31/12/2017
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	-	3.847.405.000
Mua sắm tài sản cố định	518.181.818	731.116.363
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Cộng	712.545.454	4.772.884.999

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2018	31/12/2017
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	45.057.954.787	45.057.954.787
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	47.957.971.606	47.957.971.606

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 như sau:

Giá trị đầu tư	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam		Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		Cộng
	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/03/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/03/2018	
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư					
Tại ngày 01/01/2018	16.487.743.565	-	3.324.991.771	-	19.812.735.336
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	-	-
Cổ tức tạm ghi nhận trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2018	16.487.743.565		3.324.991.771		19.812.735.336
Giá trị hợp lý					
Tại ngày 01/01/2018	34.663.527.216	-	10.394.427.571	-	45.057.954.787
Tại ngày 31/03/2018	34.663.527.216		10.394.427.571		45.057.954.787

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	2.900.016.819	-	2.900.016.819	-
Cộng	2.900.016.819	-	2.900.016.819	-

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 412.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 6.682.500.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 giá trị hợp lý là 8.250.000.000 VND tương ứng với 412.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Phải trả người bán**

	31/03/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.343.770.449	1.343.770.449	1.509.426.209	1.509.426.209
Khách hàng khác	6.579.818.758	6.579.818.758	8.112.926.744	8.112.926.744
Cộng	7.923.589.207	7.923.589.207	9.622.352.953	9.622.352.953

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(182.408.907)	853.919.488	590.631.164	80.879.417
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	(403.377.001)	201.324.390	-	(202.052.611)
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	220.968.094	652.595.098	590.631.164	282.932.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	571.318.761	469.987.660	952.137.149	89.169.272
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	(60.539.109)	55.675.817	55.961.213	(60.824.505)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	631.857.870	414.311.843	896.175.936	149.993.777
Thuế thu nhập cá nhân	116.893.462	699.772.775	626.473.265	190.192.972
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	(141.974.025)	-	8.374.166	(150.348.191)
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	258.867.487	699.772.775	618.099.099	340.541.163
Các loại thuế khác	53.274.284	311.171.373	202.422.212	162.023.445
<i>Thuế môn bài</i>	-	11.000.000	11.000.000	-
<i>Thuế đất</i>	-	99.121.248	5.168.000	93.953.248
<i>Thuế phải nộp</i>	-	-	5.168.000	(5.168.000)
<i>Thuế phải thu</i>	-	99.121.248	-	99.121.248
<i>Thuế nhà thầu</i>	53.274.284	201.050.125	186.254.212	68.070.197
<i>Thuế phải nộp</i>	53.274.284	201.050.125	186.254.212	68.070.197
<i>Thuế phải thu</i>	-	-	-	-
Cộng	559.077.600	2.334.851.296	2.371.663.790	522.265.106
<i>Trình bày:</i>				
Thuế phải thu	605.890.135			418.393.307
Thuế phải nộp	1.164.967.735			940.658.413

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả khác**

	<u>31/03/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.037.072.921	1.500.479.140
Kinh phí công đoàn	21.132.700	51.822.930
BHXH	60.495.036	126.484.836
BHYT	11.775.215	24.490.415
BHTN	5.199.921	10.628.921
Cổ tức hải trả	16.617.395	13.923.195
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	129.000.000	118.300.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	792.852.654	1.154.828.843
b) Phải trả dài hạn khác	185.000.000	185.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	30.000.000	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	15.000.000	15.000.000
Cộng	<u>1.222.072.921</u>	<u>1.685.479.140</u>

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Tăng do trích lập			31/03/2018
	01/01/2018	từ lợi nhuận	Chi trong năm	
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	128.790.582	-	(284.363.534)	(155.572.952)
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	392.177.908	-	(175.433.510)	216.744.398
Cộng	<u>520.968.490</u>	-	<u>(459.797.044)</u>	<u>61.171.446</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	21.963.455.127	63.110.522	22.026.565.649
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	(3.099.705.821)	-	(3.099.705.821)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.199.847.000)	(65.278.165)	(13.265.125.165)
Giảm khác	-	-	(556.728)	(1.693.034.718)	-	(1.693.591.446)
Số 31/12/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
Số dư 01/01/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478
Lợi nhuận 3 tháng năm 2018	-	-	-	1.917.372.335	19.501.738	1.936.874.073
Chia cổ tức(*)	-	-	-	(13.199.847.000)	-	(13.199.847.000)
31/03/2018	131.998.470.000	5.893.984.271	6.745.703.936	112.027.680.720	1.342.367.624	258.008.206.551

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2017/NQ-ĐHĐCD ngày 23 tháng 4 năm 2017 và theo Nghị quyết 06-2017/QĐ-HDQT ngày 21 tháng 12 năm 2017: chia cổ tức 10% bằng tiền mặt.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/03/2018			31/12/2017		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị
Peter Eric Dennis	4,96%	655.417	6.554.170.000	5,64%	744.717	7.447.170.000
America LLC	7,01%	925.500	9.255.000.000	5,16%	681.500	6.815.000.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3,99%	526.718	5.267.180.000	3,99%	526.718	5.267.180.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	437.385	4.373.850.000	3,31%	437.385	4.373.850.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Pyn Elite Fund (Non - ucits)	2,89%	381.000	3.810.000.000	2,89%	381.000	3.810.000.000
Ông Lê Ngọc Đức	2,59%	341.886	3.418.860.000	2,59%	341.886	3.418.860.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2,58%	340.185	3.401.850.000	2,58%	340.185	3.401.850.000
Ông Phùng Văn Quang	2,56%	337.904	3.379.040.000	2,56%	337.904	3.379.040.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,53%	334.273	3.342.730.000	2,53%	334.273	3.342.730.000
Các cổ đông khác	67,58%	8.919.579	89.195.790.000	68,75%	9.074.279	90.742.790.000
Cộng	100%	13.199.847	131.998.470.000	100,00%	13.199.847	131.998.470.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>31/03/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2017</u>
Đô la Mỹ	USD	13.953,02	22.584,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>
Dịch vụ vận tải	9.792.402.606	9.116.188.768
Dịch vụ khai thác kho bãi	12.981.049.140	9.793.550.860
Dịch vụ đại lý container	3.102.095.363	4.031.914.156
Cho thuê văn phòng	681.910.740	502.147.726
Doanh thu bán hàng hóa	2.709.162.373	2.105.559.492
Cộng	<u>29.266.620.222</u>	<u>25.549.361.002</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	10.035.679.613	10.049.878.767
Giá vốn khai thác kho bãi	11.436.704.478	8.660.730.419
Giá vốn đại lý container	1.958.159.895	2.026.786.649
Giá vốn Cho thuê văn phòng	381.003.387	384.322.303
Giá vốn hàng hóa	2.578.734.365	2.043.368.211
Cộng	<u>26.390.281.738</u>	<u>23.165.086.349</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	196.839.560	190.877.932
Lãi kinh doanh chứng khoán	4.296.494.597	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	34.015.106	84.432.710
Cộng	4.527.349.263	275.310.642

4. Chi phí tài chính

Chi phí đầu tư chứng khoán	2.548.283.489	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.649.309	36.762.970
Cộng	2.550.932.798	36.762.970

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.466.252.644	1.532.795.767
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	80.648.333	74.332.929
Chi phí dụng cụ quản lý	22.389.224	35.048.109
Chi phí khấu hao	94.396.953	100.975.020
Thuế phí và lệ phí	19.695.439	20.292.631
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	40.203.282	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.524.570	552.789.695
Chi phí bằng tiền khác	196.753.225	230.893.422
Cộng	2.393.863.670	2.547.127.573

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác		
Thu nhập khác	74.932.963	4.000.000
Cộng	74.932.963	4.000.000

Chi phí khác

Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	123.575.748	143.538.849
Chi phí khác	23.359	660
Cộng	123.599.107	143.539.509

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

(48.666.144)	(139.539.509)
---------------------	----------------------

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I năm 2018	Quý I năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.410.225.135	2.764.077.671
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	97.629.150	(1.829.644.482)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	80.812.138	836.283.618
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	16.817.012	(2.665.928.100)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập chịu thuế	2.507.854.285	934.433.189
Thuế suất	20%	20%
Thuế suất áp dụng thông thường	501.570.857	186.886.637
Ưu đãi miễn thuế	31.583.197	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	469.987.660	186.886.637

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của các Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	1.917.372.335	2.624.086.921
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(33.554.016)	(39.361.304)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	1.883.818.319	2.584.725.617
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phần	143	196

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	1.883.818.319	2.584.725.617
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	1.883.818.319	2.584.725.617
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	13.199.847	13.199.847

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

để tính lãi cơ bản trên cổ phần		
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phần	143	196
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	6.662.663.669	5.082.271.736
Chi phí nhân viên	7.035.684.328	6.848.657.445
Chi phí khấu hao	3.222.110.352	3.298.228.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.397.520.831	10.004.545.834
Chi phí bằng tiền khác	466.166.228	478.510.688
Cộng	28.784.145.408	25.712.213.922

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Công ty liên kết

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	1.123.346.406	959.609.356
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Cung cấp dịch vụ	427.931.345	433.125.311
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>31/03/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu khách hàng	277.746.844	2.856.413.621
Phải thu khác	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu khách hàng	216.455.152	327.103.606
Phải trả tiền ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Quý I năm 2018</u>	<u>Quý I năm 2017</u>
Tiền lương, thưởng	<u>498.780.000</u>	<u>498.780.000</u>
Cộng	<u>498.780.000</u>	<u>498.780.000</u>

2. Giải trình kết quả kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước

Lợi nhuận từ HĐKD quý 1/2018 tuy có tăng 21% so cùng kỳ 2017 do hoạt động kinh doanh tại 3 đơn vị thành viên tại Hải Phòng đã có cải biến đáng kể sau khi vấn đề nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông tại Hải Phòng đã hoàn thành từ cuối 2017,... tuy nhiên LN hợp nhất sau thuế của Công ty lại giảm 26%, tương ứng giảm 667.624.857 VND so cùng kỳ 2017 chủ yếu là do quý 1/2018 Công ty chưa thể ghi nhận khoản LN từ các đơn vị LDLK.

Như đã công bố thông tin (các NQ số 05-2017/NQ-HĐQT và NQ số 01/2018/NQ-HĐQT) năm 2018 Công ty thoái vốn tại 2 đơn vị liên doanh là K'Line Việt Nam và Dongbu - Hải Minh.

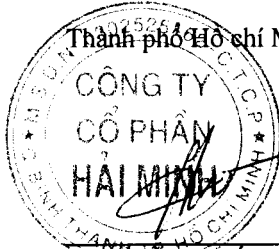
+ Tại Cty K'Line Việt Nam mặc dù kết thúc niên độ kế toán vào 31/03/2017 nhưng do KLV đang chốt số để hoàn tất tiến trình thực hiện chuyển nhượng, nên chưa chuyển báo cáo đến Công ty Hải Minh để thực hiện báo cáo này.

+ Tại Cty TNHH Dongbu Hải Minh, thời gian chốt số để thực hiện việc chuyển nhượng vốn là kết thúc niên độ 31/12/2017 ,nên quý 1/2018 sẽ không có số liệu ghi nhận .Hiện Công ty Dongbu Hải Minh cũng đang trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển nhượng vốn.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2018



NGUYỄN THÈ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất